



**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN & XI MĂNG CẦN THƠ
(CANTCIMEX GROUP)**

**TÀI LIỆU
PHỤC VỤ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**



TP Cần Thơ, tháng 5 năm 2021

TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 05 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

PHẦN I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2020 :

1. Thuận lợi và khó khăn.

a. Khó khăn:

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với nền kinh tế Thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Phần lớn do ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid - 19. Mặc dù nền kinh tế Thế giới suy thoái nghiêm trọng, nền kinh tế các nước Khu vực giảm sâu, nhưng kinh tế Việt nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tương đối tốt. Đặc biệt là ngành sản xuất kinh doanh xi măng.

b. Thuận lợi :

Dù trải qua một năm nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh, thách thức cả yếu tố ngành và tình hình kinh tế khó khăn trong năm 2020. HĐQT Công ty đề ra nhiều giải pháp để cố gắng hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tập trung chỉ đạo quyết liệt nhằm tăng năng suất lao động, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Nguồn nhân lực dồi dào có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao.

- Chương trình thực hành tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh đã góp phần rất lớn đến thành công của Công ty.

- Sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng tín nhiệm thông qua sự phù hợp về giá cả, mẫu mã mới, ổn định về chất lượng, chăm sóc khách hàng thường xuyên và chính sách khuyến mại cực kỳ hấp dẫn.

- Nhạy bén nhận định thị trường và nắm bắt tốt thời cơ nên Công ty đã và đang mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo thêm sự phong phú về sản phẩm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tạo sự gắn kết chặt chẽ, phát huy tối đa năng lực để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

2. Một số chỉ tiêu đạt được trong năm 2020 của Công ty Mẹ và Công ty con :

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện	So sánh với năm 2019(%)
I	XI MĂNG (Cty Mẹ)		265.774,2	106,9
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	219.366.273.186	103
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	193.171.993.716	107
3	Sản lượng sản xuất và gia công			
	- Xi măng:	Tấn	265.774,2	100,6
4	Doanh thu thuần	Đồng	241.389.776.128	100
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	25.253.150.841	105
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	19.909.757.796	94,46
7	Nộp ngân sách	Đồng	5.343.393.045	140
II	Cty BẤT ĐỘNG SẢN (Cty con)			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	49.125.977.695	95,53
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	48.441.102.079	100,8
3	Doanh thu thuần	Đồng	4.290.769.286	13,8
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	487.460.009	13,5
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	422.488.157	13,9
III	Cty LỘC TÀI NGUYÊN (Cty con)			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	5.163.613.038	162
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	4.428.921.112	180
3	Doanh thu thuần	Đồng	7.918.136.816	124
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	2.301.873.511	158
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.972.288.747	138
IV	Cty XI MĂNG CT- HG (Cty con)			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	497.743.460.501	105
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	271.247.516.902	125
3	Doanh thu thuần	Đồng	985.966.944.361	108
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	57.804.528.032	112
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	54.624.563.774	112

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2020:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020 :

1. Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ :

Trên cơ sở các Nhà phân phối, khách hàng truyền thống và gia công cho xi măng TOPHOME. Năm 2020 sản xuất xi măng : 265.774 tấn, đạt 106,3 % so với kế hoạch 250.000 tấn.

2. Công ty cổ phần Khoáng sản Lộc Tài Nguyên :

Hiện đang gia công cho Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ, với lợi thế đa dạng nhiều vỏ bao, phân khúc thị trường.

Năm 2020 sản xuất : 37.869,35 tấn, đạt 151,47% so với kế hoạch 25.000 tấn.

3. Công ty TNHH MTV xi măng Cần Thơ – Hậu Giang.

- Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang đã được phê duyệt nâng công suất lên 1 triệu tấn xi măng/năm và sẽ được công ty đầu tư mở rộng và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh Trạm nghiền Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang (04 Dây chuyền) trong năm 2021.

- Hiện nay Công ty đang xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ cho Dây chuyền 4 trên cơ sở tiếp tục hoàn thiện việc GPMB cho Dự án đầu tư mở rộng.

- Năm 2020, Công ty sản xuất kinh doanh các sản phẩm :

+ Xi măng : 870.000 tấn xi măng, đạt 124% so với kế hoạch 700.000 tấn/năm.

+ Bê tông thành phẩm : 42.914 m³ đạt 100% so với kế hoạch 42.000 m³ /năm.

+ Gạch không nung : sản xuất 7.867.242 viên đạt 79% so với kế hoạch 10 triệu viên.

4. Công ty cổ phần Bất động sản Cantcimex.

- Năm 2020, Công ty hoạt động chủ yếu là xây dựng các công trình phụ trợ cho Dự án Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang, doanh thu đạt 2 tỷ đồng.

- Phần còn lại thu tiền từ giao nền Tái định cư cho các hộ dân theo qui định (giao 13 nền tái định cư), doanh thu đạt 2,29 tỷ đồng.

- Năm 2020 công ty chủ yếu là thu tiền từ việc giao nền tái định cư theo qui định, việc xây dựng các hạng mục công trình cho dự án Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang rất chậm do vướng GPMB nên lợi nhuận thấp khoảng trên 400 triệu đồng.

B. KẾ HOẠCH TRONG NHỮNG NĂM TỚI :

1. Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ :

Tiếp tục sản xuất và gia công cho Xi măng TOPHOME; Nâng cấp, cải tạo hệ thống xuất hàng, xây dựng silo 500 tấn chứa xi măng và tro bay; Đầu tư máy xếp bao công suất 30tấn/giờ : Nhằm đạt sản lượng 300.000 tấn xi măng/năm.

2. Công ty cổ phần Khoáng sản Lộc Tài Nguyên :

Hiện đang gia công cho Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ, với lợi thế đa dạng nhiều vỏ bao, phân khúc thị trường.

Cải tạo hệ thống gàu tải, cân định lượng, băng tải xuất bao nhằm đạt sản lượng 30.000 tấn xi măng/năm.

3. Công ty TNHH MTV xi măng Cần Thơ – Hậu Giang.

- Trên cơ sở đáp ứng nhu cầu của thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt, Công ty tiếp tục nghiên cứu cho ra đời những sản phẩm chuyên dụng, sản phẩm chất lượng cao,... nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường xi măng Khu vực và các tỉnh Nam Bộ.

- Tiếp tục xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ nhằm hoàn chỉnh cho việc lắp đặt Dây chuyền nghiền xi măng (Dây chuyền 4) vào những tháng cuối năm 2021.

- Triển khai tiếp tục việc giải phóng mặt bằng phần đất đầu tư mở rộng, tích cực phối hợp với các cơ quan ban ngành địa phương đẩy nhanh tiến độ GPMB.

- Tiếp tục vận hành Trạm bê tông sản lượng đạt công suất 120 m³/giờ; Đồng thời sẽ lắp đặt thêm 01 Trạm trộn bê tông nhằm đáp ứng cho các công trình, dự án xây dựng lớn.

- Lập đề án cho sản xuất cộc bê tông chuyên dụng cung cấp cho toàn bộ thị trường các tỉnh ĐBSCL.

- Nghiên cứu sản xuất dự án Tấm tường bê tông.

- Nghiên cứu, hợp tác để thành lập Công ty sản xuất kinh doanh phân vi sinh trên cơ sở từ rác thải thông thường.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh gạch không nung trong năm 2021 : Duy trì các Nhà phân phối hiện tại và sẽ tiếp tục ra thị trường các sản phẩm gạch theo nhu cầu nhằm đạt công suất khoảng 10 triệu viên gạch.

4. Công ty cổ phần Bất động sản Cantcimex.

- Tiếp tục kế hoạch giao nền Tái định cư cho các hộ dân theo qui định (còn 14 nền tái định cư), doanh thu dự kiến đạt 2,3 tỷ đồng.

- Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục thi công xây dựng các hạng mục của Dây chuyền 4 _ Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang, dự kiến doanh thu đạt hơn 35 tỷ đồng.

5. Các hoạt động khác :

5.1. Công tác đoàn thể đời sống :

- Năm 2020 đời sống vật chất và tinh thần của CB – CNV được nâng cao, thu nhập của CB – CNV tăng hơn so với năm trước. Do tạo được công ăn việc làm ổn định đời sống cho người lao động với mức thu nhập bình quân trên 7 – 8 triệu đồng/người

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động nhằm nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực công tác phục vụ cho công ty, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp hơn, vững chắc, năng động, phát động và xây dựng đời sống văn hoá, văn hóa công sở trong toàn Đơn vị gắn liền với công tác giữ gìn và bảo vệ môi trường.

5.2. Công tác đóng góp xây dựng và phúc lợi xã hội :

5.2.1 : Công ty Mẹ :

Trong năm 2020, Công ty tham gia góp phần xây dựng xã hội, quan tâm hỗ trợ người nghèo, khó khăn và các chương trình hành động phúc lợi xã hội như:

- Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế dân cư bên sông, hỗ trợ trường THCS Thới Thuận 1, Hỗ trợ bảo vệ dân phòng P.Thới Thuận, hỗ trợ phong trào TĐTT đoàn thanh niên, Ủng hộ tập học sinh ở các đại phương như: Vĩnh Long, Trà Nóc, Vĩnh Trinh, Thới Thuận:

- Hỗ trợ cho giáo dục bằng tiền và hiện vật.

- Đóng góp thăm hỏi CB – CNV công ty, ủng hộ khác:

Tổng số tiền đóng góp phúc lợi xã hội : 222.839.400 đồng.

5.2.2 : Công ty Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang :

- Năm 2020 là năm mà Công ty Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang đã chi rất nhiều cho công tác phúc lợi xã hội như làm cầu Nàng Mau 2 với kinh phí hơn 3,4 tỷ đồng (vừa khánh thành ngày 29/9/2020), sửa chữa cầu và đường kênh 8.000 với kinh phí hơn 2,1 tỷ đồng.

- Hỗ trợ cho huyện Châu Thành và các huyện của tỉnh Hậu Giang hơn 1.000 tấn xi măng, 15m³ bê tông với tổng giá trị hơn 1,2 tỷ đồng; Đã hỗ trợ hơn 400 phần quà cho các hộ nghèo thuộc huyện Châu Thành với tổng giá trị hơn 120 triệu đồng.

- Đã tài trợ cho giải Marathon quốc tế tài tỉnh Hậu Giang : 100 triệu đồng.

- Trong năm, Công ty đã tặng hơn 38.800 quyển tập cho các Hội khuyến học, huyện, xã, thị trấn... thuộc tỉnh Hậu Giang như: Hội khuyến học huyện Châu Thành 7.000 quyển, Hội chữ thập đỏ Huyện Châu Thành 5.000 quyển, UBND thị trấn Mái Dầm 4.500 quyển, UBND xã Phương Bình 5.000 quyển...

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021

I. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	Ghi chú
1	Sản xuất xi măng	Tấn	1.100.000	XMCT: 300.000 tấn XM CT-HG: 800.000 tấn
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.200.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	90.0000	
	Bao gồm: - Xi măng Cần Thơ	Tr.đồng	25.000	
	- Bất động sản	Tr.đồng	7.000	
	- Công ty Lộc Tài Nguyên	Tr.đồng	3.000	
	- Xi măng Cần Thơ-HG	Tr.đồng	55.000	
4	Nộp NSNN	Tr.đồng	10.000	
5	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	8	

II. Các giải pháp thực hiện kế hoạch :

1. Sản xuất kinh doanh xi măng :

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của toàn Công ty là : 1.100.000 tấn xi măng.

Để đạt được sản lượng 1.100.000 tấn/năm. Toàn thể CB – CNV Công ty nói chung và Bộ phận Phòng kinh doanh phải năng động, phát huy tối đa tiềm năng, tiềm lực và tích cực mở rộng thêm thị trường ở tất cả các Khu vực, đồng thời kết hợp với bộ phận Marketing phải thường xuyên quảng bá sản phẩm, thực hiện chăm sóc các khách hàng truyền thống để tăng sản lượng, kết hợp gia công cho Tophome, Star Home, Xi măng Hà Tiên và Xi măng Lavica....

Cải tiến công nghệ xuất hàng hóa bằng cách thiết kế băng tải có trục xuất vông để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của khách hàng.

Trong năm 2021 tận dụng những ưu thế của các Nhà phân phối : Vốn, kinh nghiệm kinh doanh, mạng lưới các đại lý, phương tiện vận chuyển để phát triển thị trường.

a. Về tài chính :

- Tiếp tục sử dụng lợi nhuận của các năm trước, nguồn vốn từ các nhà phân phối và vốn vay của các ngân hàng và cá nhân nhằm đảm bảo nguồn tài chính ổn định cho việc mua nguyên vật liệu sản xuất và thị trường kinh doanh đang cạnh tranh gay gắt.

- Phối hợp với BQL Hậu Giang tiếp tục giao nền tái định cư và đẩy nhanh tiến độ GPMB để xây dựng các công trình cho Dây chuyền 4 sớm đi vào hoạt động nhằm tạo ra nhiều sản phẩm đa dạng và cạnh tranh cao.

b. Về nhân lực :

- Ban HĐQT công ty phải tập trung và giám sát chặt chẽ tình hình sản xuất và hoạt động kinh doanh, đồng thời phải có phương hướng và kế hoạch, giải pháp kịp thời để đáp ứng cho thị trường xi măng.

- Tất cả các phòng, ban của Công ty, đặc biệt là Phòng Kinh doanh và Marketing phải tập trung toàn tâm, toàn lực cho việc sản xuất và kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tập trung chủ lực vào Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang.

- Tiếp tục phát huy năng lực sản xuất kinh doanh, đạt hết công suất 03 Dây chuyền sản xuất hiện tại nhằm đạt sản lượng tối đa tại khu vực Hậu Giang, Cần Thơ và các tỉnh lân cận.

- Đa dạng hóa sản phẩm để củng cố và phát huy tối đa sản lượng kinh doanh xi măng tại các khu vực Biên Hòa -Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Tp. HCM.

- Theo hướng kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều khả quan nhưng để đạt được kế hoạch đề ra đòi hỏi Công ty phải kế hoạch chi tiết, rõ ràng về tài chính, về nhân lực. Đặc biệt là việc thi công xây dựng Dây chuyền 4 của Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang theo đúng tiến độ.

- Phối hợp với Ban quản lý Hậu Giang, UBND huyện Châu Thành nhằm đẩy nhanh tiến độ GPMB, sớm hoàn thiện phần xây dựng chuẩn bị lắp đặt Dây chuyền mới, từ đó Công ty sẽ có định hướng kế hoạch sản xuất để hạn chế chi phí thấp nhất và phương án kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

- Tiếp tục nghiên cứu trong công tác sản xuất để đưa ra sản phẩm cốt lõi, sản phẩm mang tính đại diện cho Công ty, sản phẩm chất lượng nhất với giá cạnh tranh nhất.

- Tiếp tục nghiên cứu thị trường về sản phẩm xi măng trong nước và thế giới, từ đó đưa ra những mẫu mã, bao bì phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Ngoài ra, Công ty luôn hướng tới việc sản xuất kinh doanh các sản phẩm phụ như sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, cọc bê tông cốt thép, các loại gạch không nung... nhằm mang lại lợi nhuận mong muốn.

3. Công ty cổ phần Khoáng sản Lộc Tài Nguyên :

Tiếp tục duy trì gia công cho Công ty cổ phần Khoáng sản và xi măng Cần Thơ Với sản lượng trên 30.000 tấn/năm.

Hoàn thiện dần hệ thống máy móc thiết bị, xử lý nhanh chóng khi có hư hỏng nhỏ, sản xuất kịp thời để đáp ứng kịp thời sản phẩm cho khách hàng để đạt được sản lượng 30.000 tấn/năm và đẩy mạnh phát triển thương hiệu Xi măng Áng Sơn tại các tỉnh Đông Nam bộ, đưa Công ty CP Khoáng sản Lộc Tài Nguyên vào quỹ đạo phát triển của toàn Công ty.

III. Kết luận:

Năm 2020, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB – CNV Công ty đã đoàn kết quyết tâm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo được việc làm ổn định cho người lao động trong toàn công ty với mức thu nhập tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2021 sẽ là năm có nhiều khó khăn, giá nguyên liệu tăng, sản phẩm xi măng cạnh tranh gay gắt.

Để đạt được kết quả như kế hoạch đã đề ra, đòi hỏi Chủ Tịch HĐQT cùng Ban Tổng Giám Đốc và toàn thể CB – CNV Công ty cố gắng nỗ lực hết sức mình để đưa việc hoạt động sản xuất kinh doanh đạt lợi nhuận cao nhất.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB – CNV Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn và chúc Quý đại biểu, Quý cổ đông nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt./.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 05 năm 2021

Chủ Tịch HĐQT



THÁI MINH THUYẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN & XI MĂNG CẦN THƠ**

Trước tiên, tôi xin phép thay mặt Ban Kiểm soát gửi đến Quý Cổ đông, Quý Đại biểu có mặt tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2021 lời chúc sức khỏe và thành đạt.

Kính thưa Quý Đại biểu !

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Ban Kiểm Soát được qui định trong Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ, Ban kiểm soát xin báo cáo hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2021 tới Đại hội đồng cổ đông như sau :

1. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính : kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Kiểm toán độc lập để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.
2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh : xem xét, đánh giá các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo.
3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT: xem xét, đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2021 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
4. Một số kiến nghị.

Nội dung chính báo cáo :

1. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính :

Công tác kế toán Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Ban Kiểm soát đồng ý với các số liệu Báo cáo tài chính do Công ty lập.

2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh :

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2020 :

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		263.158.742.031	195.651.258.556
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.252.619.353	34.353.380.966
1. Tiền	111		37.252.619.353	34.353.380.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.650.000	1.650.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.650.000	1.650.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.152.779.552	110.967.390.760
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	89.180.993.301	88.783.859.243
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	46.738.164.737	31.092.960.852
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	11.343.447.503	11.444.986.049
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(22.109.825.989)	(20.354.415.384)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		89.671.478.581	45.592.583.945
1. Hàng tồn kho	141	V.7	89.671.478.581	45.592.583.945
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.080.214.545	4.736.252.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	10.130.880.828	4.736.252.885
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		827.999.431	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	121.334.286	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		310.638.386.464	342.129.446.148
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.050.000.000	188.539.091
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.050.000.000	188.539.091
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		278.166.328.726	296.962.392.347
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	246.868.948.767	262.448.927.861
- Nguyên giá	222		393.623.480.381	376.984.248.221
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(146.754.531.614)	(114.535.320.360)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10		2.356.738.631

- Nguyên giá	225			3.142.318.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			(785.579.551)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	31.297.379.959	32.156.725.855
- Nguyên giá	228		38.293.730.405	38.293.730.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.996.350.446)	(6.137.004.550)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.586.408.707	7.353.648.898
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	13.586.408.707	7.353.648.898
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	18.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2c	5.347.894.510	5.347.894.510
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	2.178.246.800	2.178.246.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(7.526.141.310)	(7.526.141.310)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b		18.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.835.649.031	19.624.865.812
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	13.164.100.277	14.961.098.930
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	4.671.548.754	4.663.766.882
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
5. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		573.797.128.495	537.780.704.704
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		213.678.932.988	246.736.993.577
I. Nợ ngắn hạn	310		152.750.932.988	144.721.362.462
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	19.647.301.735	28.130.304.745
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	9.449.422.174	6.131.109.951
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	3.058.702.181	5.982.258.912
4. Phải trả người lao động	314	V.17	6.023.667.049	6.411.884.655
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	740.126.271	1.072.264.114
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	1.781.084.736	1.640.042.312
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	110.896.979.055	94.085.753.986
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.22	1.153.649.787	1.267.743.787
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		60.928.000.000	102.015.631.115
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19	0	48.631.115

7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	187.000.000	187.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	60.741.000.000	101.780.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		360.118.195.507	291.043.711.127
I. Vốn chủ sở hữu	410		360.118.195.507	291.043.711.127
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23a	61.199.000.000	61.199.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.199.000.000	61.199.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23a	33.450.000.000	33.450.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.23a	571.183.239	571.183.239
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23a	(40.000)	(40.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23a	19.914.209.446	19.914.209.446
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23a	238.232.502.336	169.693.338.959
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		163.493.442.959	106.496.013.124
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		74.739.059.377	63.197.325.124
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.951.340.486	5.416.019.483
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		573.797.128.495	537.780.704.704

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD HỢP NHẤT NĂM 2020

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	1.150.062.407.539	1.119.579.401.057
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	18.389.557.641	22.012.206.823
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.131.672.849.898	1.097.567.194.234
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	995.014.099.193	960.387.221.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		136.658.750.705	137.179.972.596
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.496.281.417	26.210.207
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	15.053.478.144	18.372.013.256
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.009.272.132	18.371.981.785
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	21.385.064.462	33.286.605.332
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	14.923.437.550	13.309.420.344
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		86.793.051.966	72.238.143.871
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.145.045.121	1.004.774.659
13. Chi phí khác	32	VI.9	3.755.036.791	1.771.796.444
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.609.991.670)	(767.021.785)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		84.183.060.296	71.471.122.086
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.17	8.916.461.788	7.130.373.963
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(7.781.872)	484.890.679
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		75.274.380.380	63.855.857.444
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		74.739.059.377	63.197.325.124
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		535.321.003	658.532.320
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.11a	12.055	10.122
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11a	12.055	10.122

Phần lớn lợi nhuận được thực hiện từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh xi măng.

3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và Ban kiểm soát :

Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên và Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá cao tính năng động, kịp thời trong các hoạt động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Về cơ bản năm 2020 HĐQT Công ty và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình và các Nghị quyết đã được ĐHCĐ năm 2020 thông qua.

4. Một số kiến nghị :

Ban kiểm soát Công ty có một số đề xuất với HĐQT & Ban Tổng giám đốc công ty như sau:

Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, hình thức tuyển dụng nhằm thu hút lao động có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm.

Chúng tôi chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Trên đây là một số nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty. Rất mong được quý cổ đông đóng góp ý kiến để Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong thời gian tới.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 05 năm 2021

TM. Ban kiểm soát



Nguyễn Thái Thanh Phong

TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 05 năm 2021

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NĂM 2021

1. Tổ chức Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ gồm 05 thành viên như sau :

- | | | |
|------------------------|-----------|-----------------|
| - Ông Thái Minh Thuyết | Chức vụ : | Chủ tịch HĐQT |
| - Bà Nguyễn Thị Út Em | Chức vụ : | Thành viên HĐQT |
| - Ông Trần Minh Quang | Chức vụ : | Thành viên HĐQT |
| - Ông Thái Châu | Chức vụ : | Thành viên HĐQT |
| - Ông Thái Hoàng Tước | Chức vụ : | Thành viên HĐQT |

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo đến toàn thể Quý cổ đông về kết quả thực hiện năm 2020 như sau:

Thực hiện các chỉ tiêu năm 2020:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ (%)
01	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.200.000	1.150.062	95,83%
02	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	60.000	84.183	140
03	Mức cổ tức dự kiến	%	10	20	
04	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	8	8	100

3. Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2020

Thông qua các kỳ họp, HĐQT đã thực hiện quyền quản lý điều hành của mình trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch, tờ trình liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.

Bên cạnh đó, giữa các kỳ họp định kỳ của HĐQT, để giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty, HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, bảo đảm tuân thủ đúng quy định.

4. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2021.

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2021
01	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.100.000
02	Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	90.000
03	Mức cổ tức tối thiểu	%	10
04	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	8

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
Kính đề nghị Đại hội xem xét, thảo luận, thông qua.

Chân thành cảm ơn Quý cổ đông !

Cần Thơ, ngày 25 tháng 05 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



THÁI MINH THUYẾT

319.
TY
AN
NG
THC
TP.

Số : 01/2021/TTr-ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 25 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 60/2005/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số: 70/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 thông qua một số nội dung như sau :

I. THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C.

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C, tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định và đã được HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ công bố theo quy định, bao gồm :

- (1) Báo cáo của Kiểm toán viên;
- (2) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
- (3) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;
- (4) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- (5) Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2020 :

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		263.158.742.031	195.651.258.556
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.252.619.353	34.353.380.966

1. Tiền	111		37.252.619.353	34.353.380.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.650.000	1.650.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.650.000	1.650.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.152.779.552	110.967.390.760
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	89.180.993.301	88.783.859.243
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	46.738.164.737	31.092.960.852
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	11.343.447.503	11.444.986.049
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(22.109.825.989)	(20.354.415.384)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		89.671.478.581	45.592.583.945
1. Hàng tồn kho	141	V.7	89.671.478.581	45.592.583.945
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.080.214.545	4.736.252.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	10.130.880.828	4.736.252.885
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		827.999.431	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	121.334.286	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		310.638.386.464	342.129.446.148
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.050.000.000	188.539.091
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.050.000.000	188.539.091
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		278.166.328.726	296.962.392.347
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	246.868.948.767	262.448.927.861
- Nguyên giá	222		393.623.480.381	376.984.248.221
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(146.754.531.614)	(114.535.320.360)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10		2.356.738.631
- Nguyên giá	225			3.142.318.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			(785.579.551)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	31.297.379.959	32.156.725.855
- Nguyên giá	228		38.293.730.405	38.293.730.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.996.350.446)	(6.137.004.550)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0

- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.586.408.707	7.353.648.898
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	13.586.408.707	7.353.648.898
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	18.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2c	5.347.894.510	5.347.894.510
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	2.178.246.800	2.178.246.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(7.526.141.310)	(7.526.141.310)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b		18.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.835.649.031	19.624.865.812
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	13.164.100.277	14.961.098.930
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	4.671.548.754	4.663.766.882
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
5. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		573.797.128.495	537.780.704.704
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		213.678.932.988	246.736.993.577
I. Nợ ngắn hạn	310		152.750.932.988	144.721.362.462
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	19.647.301.735	28.130.304.745
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	9.449.422.174	6.131.109.951
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	3.058.702.181	5.982.258.912
4. Phải trả người lao động	314	V.17	6.023.667.049	6.411.884.655
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	740.126.271	1.072.264.114
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	1.781.084.736	1.640.042.312
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	110.896.979.055	94.085.753.986
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.22	1.153.649.787	1.267.743.787
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		60.928.000.000	102.015.631.115
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19	0	48.631.115
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	187.000.000	187.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	60.741.000.000	101.780.000.000



9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		360.118.195.507	291.043.711.127
I. Vốn chủ sở hữu	410		360.118.195.507	291.043.711.127
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23a	61.199.000.000	61.199.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.199.000.000	61.199.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23a	33.450.000.000	33.450.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.23a	571.183.239	571.183.239
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23a	(40.000)	(40.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23a	19.914.209.446	19.914.209.446
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23a	238.232.502.336	169.693.338.959
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		163.493.442.959	106.496.013.124
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		74.739.059.377	63.197.325.124
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.951.340.486	5.416.019.483
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		573.797.128.495	537.780.704.704

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD HỢP NHẤT NĂM 2020

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	1.150.062.407.539	1.119.579.401.057
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	18.389.557.641	22.012.206.823
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.131.672.849.898	1.097.567.194.234
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	995.014.099.193	960.387.221.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		136.658.750.705	137.179.972.596
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.496.281.417	26.210.207
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	15.053.478.144	18.372.013.256
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.009.272.132	18.371.981.785
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	21.385.064.462	33.286.605.332
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	14.923.437.550	13.309.420.344
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		86.793.051.966	72.238.143.871

12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.145.045.121	1.004.774.659
13. Chi phí khác	32	VI.9	3.755.036.791	1.771.796.444
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(2.609.991.670)	(767.021.785)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		84.183.060.296	71.471.122.086
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.17	8.916.461.788	7.130.373.963
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(7.781.872)	484.890.679
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		75.274.380.380	63.855.857.444
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		74.739.059.377	63.197.325.124
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		535.321.003	658.532.320
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.11a	12.055	10.122
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11a	12.055	10.122

III. THÔNG QUA VIỆC LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2021

Để đảm bảo thuận lợi cho công tác điều hành, HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán sau đây thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước):

- (1) Công ty Kiểm toán Mỹ (AA)
- (2) Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học - AISC
- (3) Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính & Kiểm toán Việt Nam
- (4) Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
- (5) Công ty TNHH kiểm toán Sao Việt.

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số công ty kiểm toán còn lại trong Danh sách được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét các báo cáo tài chính bán niên.

IV. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020.

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 :

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và quy định về tỷ lệ trích lập các quỹ trong Điều lệ Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau :

*** Phân phối lợi nhuận năm 2020**

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất toàn bộ lợi nhuận năm 2020 sẽ được đầu tư vào Công ty Mẹ nhằm đầu tư, trang bị các máy móc thiết bị công nghệ hiện đại để nâng cao năng suất sản xuất và xử lý môi trường. Đồng thời bổ sung vào nguồn vốn lưu động do ngân hàng giảm hạn mức tín dụng.

* Thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2020 và đề xuất thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021 :

- Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020 : 0,5%/LNST
- Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021 dự kiến: 0,5%/LNST.

V. THÔNG QUA CHIA CỔ TỨC CHO NĂM 2020:

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua lợi nhuận đạt được chia cổ tức trong năm 2020 là 20%.

VI. THÔNG QUA VIỆC XỬ LÝ MÁY ÉP GẠCH DỠ DANG:

Theo BB họp HĐQT số: 03/BB.HĐQT 18 tháng 02 năm 2021 về việc xử lý 05 máy ép gạch dỡ dang với tổng số tiền là: 5.382.803.305 đồng (Năm tỷ, ba trăm tám mươi hai triệu, tám trăm lẻ ba ngàn, ba trăm lẻ năm đồng) theo đúng qui định.

VI. THÔNG QUA VIỆC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ MỤC 1 ĐIỀU 3, CHỦ TỊCH HĐQT LÀM NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY.

Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty, mục 1 Điều 3 của Điều lệ.

Để thuận lợi và đạt hiệu quả cao trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc Chủ tịch HĐQT làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Đại hội thông qua việc bổ sung sửa đổi điều lệ Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm người đại diện theo pháp luật.

Trên đây là tờ trình của HĐQT về một số vấn đề xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

T.M/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Các thành viên HĐQT, Ban TGD;
- Các thành viên Ban KS (để biết);
- Lưu: VT.



THÁI MINH THUYẾT

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

DỰ THẢO

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;
- Căn cứ các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 25/5/2021;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 25/05/2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo Tổng kết kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 của Ban điều hành

a. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau :

CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN :

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện	So sánh với năm 2019(%)
I	XI MĂNG (Cty Mẹ)			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	219.366.273.186	103
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	193.171.993.716	107
3	Sản lượng sản xuất và gia công			
	- Xi măng:	Tấn	265.774,2	100,6
4	Doanh thu thuần	Đồng	241.389.776.128	100
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	25.253.150.841	105
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	19.909.757.796	94,46
7	Nộp ngân sách	Đồng	5.343.393.045	140
II	Cty BẤT ĐỘNG SẢN (Cty con)			

II Cty BẤT ĐỘNG SẢN (Cty con)				
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	49.125.977.695	95,53
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	48.441.102.079	100,8
3	Doanh thu thuần	Đồng	4.290.769.286	13,8
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	487.460.009	13,5
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	422.488.157	13,9
III Cty LỘC TÀI NGUYÊN (Cty con)				
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	5.163.613.038	162
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	4.428.921.112	180
3	Doanh thu thuần	Đồng	7.918.136.816	124
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	2.301.873.511	158
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.972.288.747	138
IV Cty XI MĂNG CT – HG (Cty con)				
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	497.743.460.501	105
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	271.247.516.902	125
3	Doanh thu thuần	Đồng	985.966.944.361	108
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	57.804.528.032	112
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	54.624.563.774	112

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	Ghi chú
1	Sản xuất xi măng	Tấn	1.100.000	
2	Sản xuất gạch ống không nung	Viên	10 triệu viên	
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.200.000	
4	Lợi nhuận trước thuế: Bao gồm:	Tr.đồng	90.000	
	- Xi Măng CT	“	25.000	
	- Bất động sản	“	7.000	
	- Cty Lộc Tài Nguyên	“	3.000	
	- Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang	“	55.000	
5	Nộp NSNN	Tr.đồng	8.000	
6	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	8	
7	Chia cổ tức tối thiểu	%/năm	10%	

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2020

Đại hội đã thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

Điều 3: Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị.

Đại hội đã thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C)

Đại hội đã thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C)

Điều 5: Thông qua việc ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021

Đại hội đã thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.)

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2021/TTr-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021)

Điều 6: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.

Đại hội đã thống nhất thông qua.

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2021/TTr-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021)

Điều 7: Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và dự kiến thù lao HĐQT, BKS năm 2021

Đại hội thông qua mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2020: 0,5%/LNST

Đại hội thông qua dự kiến mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021 là: 0,5%/LNST.

Điều 8: Thông qua việc chia cổ tức năm 2020.

Đại hội đã thống nhất thông qua việc chia cổ tức của năm 2020

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2021/TTr-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021)

Điều 9: Thông qua việc xử lý máy ép gạch

Đại hội thống nhất thông qua việc xử lý máy ép gạch treo dở dang.

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2021/TTr-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021)

Điều 10: Thông qua việc sửa đổi điều lệ Công ty.

Đại hội đã thông qua việc sửa đổi điều lệ Công ty. Thống nhất việc Chủ tịch HĐQT làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2021/TTr-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021)

Điều 11: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tất cả cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị trực thuộc, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: Thư ký HĐQT, VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tọa



THAI MINH THUYẾT